TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2024/HC-PT
Ngày: 28 - 5 - 2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi

ông Đinh Phước Hoà

- *Thư ký phiên tòa*: bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Quách Hoà Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 62/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2024 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 801/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; địa chỉ: xóm M, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên toà.

1.2. Ông Lê T, sinh năm 1941; ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: xóm Q, thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1: Luật sư Trần Thị Diễm X - Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; địa chỉ: số C đường P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có Đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B; địa chỉ: số D đường P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3.3. Ông Hồ Đông P, sinh năm 1945; bà Lâm Thị H, sinh năm 1946; ông Hồ Đông V, sinh năm 1967; ông Hồ Đông V1, sinh năm 1991; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; ông Hồ Thanh M1, sinh năm 1954; địa chỉ: xóm Q, thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo Đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Ông, bà ngoại của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T và cũng là ông cố ngoại của ông Nguyễn Đức T1 là cụ Hồ D và cụ Nguyễn Thị C (còn gọi là Chước, C1) trước khi chết có để lại cho con, cháu họ ngoại một số diện tích đất tại xứ Đ (sát bờ sông), thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ 101 với 295,7m^2 (dừa nước). Vì ông bà ngoại ông bà không có con trai, nên diện tích đất này được các thế hệ con, cháu của ông bà quản lý sử dụng và thừa hưởng sản phẩm thu được từ cây dừa nước để lo hương khói giỗ chạp ông bà ngoại hàng năm. Đã trải qua các thời kỳ lịch sử và sau ngày thống nhất đất nước, mặc dù xã B đã đi vào Hợp tác hóa nông nghiệp, nhưng diện tích của ông bà quản lý sử dụng vẫn là cá thể, ông bà chỉ nộp thuế.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, ông Hồ Đông P (gọi là Út Á) thuê máy đào cạp đất, san ủi đào móng để xây dựng nhà trái phép trên đất của ông bà. Do đó, ông bà kịp thời ngăn cản và làm Đơn yêu cầu gửi Uỷ ban nhân dân (UBND) xã B giải quyết. Ngày 11 tháng 9 năm 2020, UBND xã B đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Do đó, ông bà mới biết được thời điểm và điều kiện vợ chồng ông Hồ Đông P và bà Lâm Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trái phép trên đất của ông bà đang quản lý sử dụng. Chủ trì phiên hoà giải Kết luận: diện tích đất đang tranh chấp đã có GCNQSDĐ số phát hành CC 737543, số vào sổ GCN: CH 9345 do UBND huyện B cấp cho ông Hồ Đông P và bà Lâm Thị H ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số

101, xã B, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác. Vợ chồng ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H đã tặng cho vợ chồng cháu nội là Hồ Đông V1, Nguyễn Thị L và được biến động tại tờ số 4 ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Cho đến nay chính quyền xã B không đưa ra được những chứng cứ để chứng minh việc cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Đông P là hợp pháp. Bởi vì khi hợp thức hóa hồ sơ để cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Đông P, phía chính quyền xã B có đưa ra một tờ giấy viết tay hoàn toàn giả mạo về thời điểm, cũng như thông tin được ghi trong tờ giấy, có sự cố tình làm lu mờ hoặc tẩy xóa làm nhàu nát tờ giấy, tạo vết tích không thực tế nhằm đánh lừa cơ quan chức năng và người đối kháng đó là *"Bản thỏa thuận cho đất làm nhà"* đề ngày 06 tháng 6 năm 1973. Nhưng giấy này là không đúng sự thật, giả mạo.

Một là: tờ giấy ghi năm 1973, tức thời đó ở địa phương này sống dưới chế độ S, làm sao có Quốc hiệu là: Cộng Hòa Xã Hội C Việt Nam.

Hai là: vào năm 1973 thì lúc đó không có xã B, mà chỉ là xã B được kiểm soát dưới chế độ S.

Thế mà các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cũng như Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B vẫn dựa vào những chứng cứ và thông tin giả tạo để cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Hồ Đông P và Lâm Thị H. Ngoài ra, bên bị đơn không có giấy tờ gì để chứng minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất của mình, ngoài tờ giấy giả tạo nêu trên và GCNQSDĐ được cấp bất hợp pháp. Như vậy, việc cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B căn cứ vào những thông tin giả tạo sai sự thật mà cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Hồ Đông P, Lâm Thị H và sau này tặng cho vợ chồng cháu nội là Hồ Đông V1, Nguyễn Thị L là hành vi xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của ông bà.

Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số phát hành CC 737543, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 9345 do UBND huyện B cấp cho ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại thửa đất 89, tờ bản đồ số 101, diện tích 295,7m^2 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi – đăng ký biến động tại trang 4 của GCNQSDĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 cho ông Hồ Đông V1 và bà Nguyễn Thị L.

2. Nội dung Văn bản số 236/UBND-NC ngày 02 tháng 02 năm 2023 và trình bày của người bị kiện UBND huyện B:

Nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 yêu cầu hủy GCNQSDĐ số phát hành CC 737543, số vào sổ cấp GCN: CH 9345 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101 xã B diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác đã được đăng ký biến động tại trang 4 của GCNQSDĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 cho ông Hồ Đông V1 và bà Nguyễn Thị L1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung Văn bản số 61/UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 và trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B:

Về nguồn gốc đất: qua xác minh, trước năm 1945 do ông Hồ D và vợ là bà Nguyễn Thị C2 quản lý sử dụng 01 thửa đất, mục đích trồng cây dừa nước, vợ chồng ông Hồ D có hai người con là bà Hồ Thị C3 và bà Hồ Thị T2 (Chiện). Vì có hai người con gái nên ông Hồ D và bà Nguyễn Thị C2 nhận ông Hồ T3 làm con nuôi (về quan hệ nhân thân thì ông Hồ T3 gọi ông Hồ D là chú ruột) và để lại thửa đất trồng cây dừa nước cho ông Hồ T3 và vợ là bà Nguyễn Thị C4 tiếp tục sử dụng. Đến năm 1977 bà Nguyễn Thị C4 (chết), năm 1987 ông Hồ T3 (chết). Ngày 06 tháng 6 năm 1983, bà Hồ Thị C3 và bà Hồ Thị T2 viết Giấy thỏa thuận giao thửa đất dừa nước cho ông Hồ Đông P (về quan hệ nhân thân thì bà Hồ Thị C3 và bà Hồ Thị T2 là con ruột của ông Hồ D; ông Hồ Đông P gọi bà Hồ Thị C3, bà Hồ Thị T2 bằng thím), ông Hồ Đông P tiếp tục sử dụng đến năm 1995-1996 ông đổ đất trồng cây hàng năm. Năm 2017 ông Hồ Đông P và vợ bà Lâm Thị H đăng ký kê khai được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, diện tích 295,7m^2 ngày 20 tháng 10 năm 2017 có số phát hành CC 737543, số vào sổ CH 09345.

Về hồ sơ địa chính: Bản đồ 299/TTg lập năm 1986 là thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.160m^2, loại đất cây dừa nước. Bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1998 thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 472m^2, loại đất dừa nước (do ông Hồ Thanh M1 đăng ký kê khai). Qua rà soát hồ sơ địa chính phần diện tích còn lại không thấy ông Hồ Đông P đăng ký kê khai. Bản đồ năm 2001 là thửa đất số 779, tờ bản đồ số 21, diện tích 659m^2, loại đất khác; Sổ thống kê, diện tích loại đất chủ hộ theo hiện trạng do ông Hồ Thanh M1 kê khai (có chỉnh lý cắt cho ông Hồ Đông P diện tích 216m^2, ông Hồ Thanh M1 diện tích 443m^2).Bản đồ năm 2007 là thửa đất số 66, tờ bản đồ 101, diện tích 986,3m^2 (đo bao cả thửa đất ông Hồ Đông P). Bản đồ năm 2014 đo thành 03 thửa: thửa đất số 87 và số 88, tờ bản đồ số 101 do ông Hồ Thanh M1 đăng ký kê khai trong hồ sơ địa chính và thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm, do ông Hồ Đông P đăng ký kê khai trong hồ sơ địa chính.

Về hồ sơ hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất: hồ sơ hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất của UBND xã B liên quan đến thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác. Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại UBND xã B, hiện nay hồ sơ hòa giải liên quan đến thửa đất trên đã bị thất lạc, không tìm thấy. Lý do: qua các thời kỳ luân chuyển, chuyển đổi vị trí của công chức chuyên môn, việc bàn giao không chặt chẽ nên hồ sơ bị thất lạc. Do đó, đối với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B: không có ý kiến, chỉ cung cấp thông tin về hồ sơ cấp GCNQSDĐ.

5. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H, ông Hồ Đông V1, bà Nguyễn Thị L, ông Hồ Đông V trình bày:

Về nguồn gốc: thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, xã B là của ông Hồ D và bà Nguyễn Thị C2 (Nguyễn Thị C5) quản lý sử dụng trước năm 1954. Sau đó để

lại cho cha mẹ chúng tôi là ông Hồ T3 và bà Nguyễn Thị C4 sử dụng, đến năm 1975 cha mẹ để lại đất này cho vợ chồng tôi sử dụng. Đất này ở mé sông, trồng dừa nước để lấy lá lợp nhà, sau đó dừa chết nên năm 1993 ông Hồ Đông P tiến hành đổ đất. Năm 2002 thì làm Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ nộp tại UBND xã B, nhưng mãi đến năm 2017 mới được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ.

Quá trình sử dụng đất: vì là đất nông nghiệp nên được miễn thuế đất, không kê khai đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất.

Về gia đình: ông Hồ D và bà Nguyễn Thị C2 sinh được 03 người con gái là bà Hồ Thị H1, bà Hồ Thị T4, bà Hồ Thị C6. Do không có con trai nên ông Hồ D nhận nuôi ông Hồ T3 (cha chúng tôi) để sau này thờ phụng, các con gái của ông D đều đồng ý và không thắc mắc gì (ông Hồ T3 là con của ông Hồ T5, ông Hồ T5 là anh ông Hồ D). Đến năm 1993 những người cháu của ông D là ông Lê T, Nguyễn Đức T1, bà Nguyễn Thị M (cháu của bà H1, Truyện, C6) đến thửa đất này chặt dừa, đổ đất thì bị ông P ngăn cản nên bỏ về. Đến năm 2020 nghe thông tin hộ ông được cấp GCNQSDĐ nên ông Nguyễn Đức T1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông Lê T) phát sinh đơn tranh chấp đến UBND xã B. UBND xã tổ chức hòa giải không thành, nên 3 người này nộp đơn đến UBND huyện B nhưng cũng không giải quyết. Năm 2019 chúng tôi lập Hợp đồng tặng cho thửa đất cháu Hồ Đông V1, Nguyễn Thị L.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Thanh M1: Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính. Điều 95; Điều 100; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013. Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ T6. Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CC 737543, số vào sổ cấp GCN: CH 9345 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Hồ Đông P và bà Lâm Thị H vào ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, xã B, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác đã được đăng ký biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26 tháng 8 năm 2019 cho ông Hồ Đông V1 và bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07 tháng 11 năm 2023 bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện trình bày không rút Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Thay đổi nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận Đơn khởi kiện.

Luật sư Trần Thị Diễm X trình bày: không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ông D, bà C5 không kê khai nhưng quản lý và sử dụng thửa đất này. Ông M1 và ông P đều thừa nhận thửa đất của ông D, bà C5 và có xác nhận UBND xã B. Người khởi kiện là cháu ngoại của ông D, bà C5 và là người sử dụng đất thực tế thể hiện qua lời khai của người làm chứng, có đăng ký kê khai, nộp thuế theo quy định, Biên lai nộp thuế là cơ sở để xác định quản lý và sử dụng đất lâu dài. Hồ sơ lưu về nghĩa vụ nộp thuế của người dân, UBND xã B làm thất lạc, nhưng lại lấy đó làm cơ sở để bác bỏ yêu cầu khởi kiện là vi phạm quyền lợi của chúng tôi. Việc không kê khai không làm thay đổi về chủ sở hữu của thửa đất, vì tờ khai nộp thuế vụ dừa nước chỉ có một đối với thửa số 89. Ông P, bà H không thuộc hàng thừa kế của ông D, bà C5, mà người khởi kiện là người thừa kế hợp pháp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận Đơn khởi kiện. Người khởi kiện đồng ý với quan điểm Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Trong khi thửa đất có tranh chấp ông P kê khai sử dụng liên tục và đã được cấp GCNQSDĐ. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: ngày 07 tháng 11 năm 2023 bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 01 tháng 3 năm 2020 bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 biết ông Hồ Đông P và bà Lâm Thị H được cấp GCNQSDĐ số CC 737543 do UBND huyện B cấp ngày 20 tháng 10 năm 2017 đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, xã B, diện tích 295,7m^2. Ngày 09 tháng 3 năm 2020 bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức T1, bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông Lê T) khiếu nại và được UBND xã B hoà giải ngày 26 tháng 3 năm 2020 và ngày 11 tháng 9 năm 2020 nhưng không thành. Bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 tiếp tục gửi Đơn yêu cầu, khiếu nại đến UBND xã B, UBND huyện B, tỉnh Ủy Quảng Ngãi nhưng chưa được giải quyết. Ngày 09 tháng 11 năm 2020 Uỷ ban Kiểm tra-Thanh tra huyện B ban hành Văn bản 218/UBKT-TTH với nội dung: trường hợp các ông bà không đồng ý với kết quả hoà giải của UBND xã B thì có quyền khởi kiện đến Toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CC737543, số vào sổ cấp GCN: CH 9345 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Hồ Đông P và bà Lâm Thị H vào ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101 xã B, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác đã được đăng ký biến động vào ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Đông V1 và bà Nguyễn Thị L. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1:

[3.1] Bản đồ 299/TTg lập năm 1986 thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.160m^2 xã B. Sổ mục kê ruộng đất trang số 20 thể hiện tên chủ sử dụng đất là Phạm Thị C7, xứ đồng Ruộng Bàu, diện tích 2.000m^2, loại đất (T). Bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1998 thì thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 695m^2 do ông Hồ Thanh M1 kê khai. Sổ dã ngoại tờ bản đồ số 6, xã B thể hiện tên chủ sử dụng đất là ông Hồ Thanh M1.

Sổ thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng năm 2001 là thửa đất số 779, tờ bản đồ số 21, diện tích 659m^2, chủ sử dụng Hồ Thanh M1 và cột ghi chú thể hiện có cắt cho ông Hồ Đông P 216m^2 và có cho số thửa thêm là thửa 983, tờ bản đồ số 21. Sổ mục kê đất đai lập năm 2007 là thửa đất số 66, tờ bản đồ 101, diện tích 986,3m^2 (đo bao cả thửa đất ông Hồ Đông P).

Bản đồ đo đạc, chỉnh lý năm 2014 ông Hồ Đông P đăng ký kê khai thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, diện tích 295,7m^2; ông Hồ Thanh M1 đăng ký kê khai tại thửa đất số 88, diện tích 334m^2 và thửa đất số 87, diện tích 269,2m^2.

[3.2] Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.160m^2, loại đất cây dừa nước (Bản đồ 299/TTg lập năm 1986) do ông Hồ D sử dụng từ trước năm 1945, đến năm 1960 ông Hồ D giao lại cho 02 người, mỗi người ½ diện tích là: ông Hồ L2 (là ông cố của ông Hồ Thanh M1), vị trí thửa đất nằm phía Tây thửa đất số 89, tờ bản đồ 101, xã B và ông Hồ T3 (là cha ruột của ông Hồ Đông P), vị trí thửa đất phía Đông (nay là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101). Theo UBND xã B cho rằng: trước năm 1945 ông Hồ D và bà Nguyễn Thị C2 sử dụng và thửa đất mà bà Hồ Thị C6, bà Hồ Thị T2 giao đất cho ông Hồ Đông P vào năm 1973 hiện nay có số thửa 89, tờ bản đồ số 101 là cùng một vị trí. Thời điểm năm 1973, bà Hồ Thị C6, bà Hồ Thị T2 (Truyện) thống nhất giao đất cây dừa nước cho ông Hồ Đông P thuộc một phần thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ 299/TTg lập năm 1986) vị trí thửa đất thôn B, xã B (nay thôn Q, xã B).

[3.3] Ngày 21 tháng 02 năm 2017, ông Hồ Đông P (vợ bà Lâm Thị H) có Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 89, tờ bản đồ số 101 xã B và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số phát hành CC 737543, số vào sổ cấp GCN: CH 9345 vào ngày 20 tháng 10 năm 2017 cho hộ ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101 xã B, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác. Hộ ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp.

[3.4] Ngày 23 tháng 7 năm 2019 ông Hồ Đông P, bà Lâm Thị H lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101 xã B cho ông Hồ Đông V1, bà Nguyễn Thị L và ngày 26 tháng 8 năm 2019 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B thực hiện đăng ký biến động tại trang 4 GCNQSDĐ cho ông Hồ Đông V1, bà Nguyễn Thị L.

[3.5] Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 cho rằng: thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101 xã B nguyên có nguồn gốc từ thửa đất số 176, tờ bản đồ số 6, xã B; Sổ mục kê ruộng đất ghi tên chủ sử dụng đất là bà Phạm Thị C7. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với ông Nguyễn Văn Á1 (nguyên Đội trưởng sản xuất đội 9, giai đoạn năm 1980 - 1994) thì không có ai là Phạm Thị C7 ở đội 9, xóm Q, xã B, huyện B và cũng không đúng với loại đất đã được ghi trên bản đồ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg năm 1986.

Hơn nữa, ông Hồ D, bà Nguyễn Thị C5 qua các thời kỳ không đăng ký, kê khai đối với thửa đất số 176, tờ bản đồ số 6, xã B. Sau khi ông Hồ D chết, các đồng thừa kế là bà Hồ Thị C6 (mẹ bà Nguyễn Thị M), bà Hồ Thị T2 (mẹ của ông Lê T), bà Hồ Thị H1 (bà ngoại của ông Nguyễn Đức T1) chỉ sử dụng mà không đăng ký, kê khai đối với thửa đất này. Cũng như, đối chiếu với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 không đăng ký, kê khai, sử dụng đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101 xã B.

Các Biên lai thuế mà người khởi kiện cung cấp thể hiện nộp thuế đối với *"Vụ Dừa nước"* vào năm 1989, 1990 mà không ghi rõ diện tích thửa đất nào, nên không đủ căn cứ để xác định thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất 89, tờ bản đồ số 101, xã B.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M, ông Lê T được miễn. Ông Nguyễn Đức T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính. Điều 95; Điều 100; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013. Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ T6. Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Lê T, ông Nguyễn Đức T1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CC 737543, số vào sổ cấp GCN: CH 9345 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Hồ Đông P và bà Lâm Thị H vào ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 101, xã B, diện tích 295,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác đã được đăng ký biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26 tháng 8 năm 2019 cho ông Hồ Đông V1 và bà Nguyễn Thị L.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M, ông Lê T được miễn. Ông Nguyễn Đức T1 phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền ông T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000145 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký) (Đã ký)

Trương Công Thi **Đinh Phước Hoà** **Trần Quốc Cường**